

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phạm;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐHPT – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 7, tổ 27, khu 10, pH Thanh M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 7, tổ 27, khu 10, pH Thanh M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:* Ông và bà P kết hôn từ năm 1976 tại UBND xã P Xá, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn đến năm 1987 gia đình ông chuyển về V, bà P vào làm công nhân tại xí nghiệp Dệt xuất khẩu Phú Cát, V, ông làm trong ngành tH nghiệp. Trong quá trình chung sống tại V vợ chồng ông tH xảy ra mâu thuẫn về quan điểm, việc làm. Ông đi kinh doanh tH xuyên xa nhà nên việc chăm sóc vợ con bị hạn chế, nhất là khi chuyển đổi cơ chế của nhà nước, xóa bỏ bao cấp sang cơ chế thị trường. Do gặp rủi ro trong làm ăn nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 1998 đến nay. Năm 2010, bà P đi nước ngoài (Đài Loan – Trung Quốc) không liên lạc gì

với ông, nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: vợ chồng có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 09/6/1979; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/12/1981; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 07/7/1983. Các con đã trưởng thành lấy chồng và hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan – Trung Quốc) nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà P tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Phía bị đơn: bà Nguyễn Thị P (hiện đang ở Đài Loan – Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, bà P có gửi 01 bản gốc đơn xin xử vắng mặt với nội dung: Bà và ông Nguyễn Đức T đã đồng ý ly hôn, không thắc mắc gì. Do điều kiện bà sức khỏe không được tốt, đang phải điều trị bệnh nên không thể về được. Nay bà xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị P tại trang 01 đơn xin xử vắng mặt ngày 23/12/2019 tại phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Phú Thọ và tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung và các vấn đề khác trong vụ án; tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 luật hôn nhân và gia đình 2014, nghị quyết 326/2016/UBTV – QH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P;

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T nộp đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị P tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, ông T trình bày hiện bà P đang ở tại (Đài Loan – Trung Quốc). Tại văn bản số: 2215/QLXNC – P5 ngày 25/2/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định bà Nguyễn Thị P đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 25/3/2010, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm

a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Trong vụ án này bà P không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- Tại kết luận giám định số: 316/KLGD ngày 16/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

1/ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị P và các chữ “Nguyễn Thị P” dưới mục “Người làm đơn” trên “Đơn xin xử vắng mặt” (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị P và các chữ “Nguyễn Thị P” dưới mục “đại diện bên A; Thí sinh ký; người làm đơn” trên “Hợp đồng cung cấp và sử dụng truyền hình cáp; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; đơn xin học, thi lấy giấy phép lái xe” (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký ra và viết ra.

2/ Chữ viết trên “Đơn xin xử vắng mặt” (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ viết trên “Đơn xin học, thi lấy giấy phép lái xe” (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra. Như vậy, có căn cứ để xác định đơn xin xử vắng mặt thể hiện đúng quan điểm, ý chí của bà P nên là căn cứ để giải quyết vụ án. Ngày 10/6/2020, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do bà P và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà P.

## [2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P Xá, huyện C, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn có đủ điều kiện kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo ông T vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 1998 đến nay. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P. Phía bà P mặc dù không trình bày mâu thuẫn vợ chồng nhưng cũng đồng ý ly hôn với ông T. Mặt khác, theo nội dung xác minh tại chính quyền địa P thấy rằng ông T và bà P đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Từ những phân tích trên, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T và bà P đều nhất trí ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn này là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông T và bà P có 03 con chung là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 09/6/1979; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/12/1981; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 07/7/1983. Các cháu đã trưởng thành, lao động tự túc được, ông T không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về công nợ, công sức: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về chi phí giám định: Ông T xin tự chịu, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điều 55 luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị P.

[2]. Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004071 ngày 05/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đợc bản án hoặc bản án đợc niêm yết. Thời hạn kháng cáo của bà P là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các Đ-ơng sự;
- UBND xã P;
- L-u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Hà Giang**